TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 262/2022/HSST

Ngày: 10 - 06 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trực
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai;
2. Ông Nguyễn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 06 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 280/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1842/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn Đ**;** Tên gọi khác: Phạm Văn K; giới tính: nam; sinh ngày 26 tháng 4 năm 1995, tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, Đồng Tháp; quốc tịch:Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông: Bùi Văn A và bà: Nguyễn Thị Kim L; vợ: Nguyễn Thị Cẩm G và có 01 người con (sinh năm 2021); tiền sự, tiền án: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

2. Lê Hoàng Nhớ; giới tính: nam; sinh ngày 09 tháng 9 năm 1992, tại Thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, H.L, Thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Căn hộ 0808 LD Chung cư L số 67 đường T, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch:Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông: Lê Văn H và bà: Hồ Thị T; vợ: Võ Thị Yến N2, có 01 người con (sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 02/01/2021 đến ngày 01/6/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

3. Fan Shih M H, Tên gọi khác: Phạm Thị Mỹ Hoa; giới tính: nữ; sinh ngày 11 tháng 01 năm 1980, tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: No.431 Z Road, N District, K City, Taiwan; tạm trú: 32 đường 32A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Đài Loan (Trung Quốc); dân

tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông: Phạm Văn B1 và bà: Nguyễn Thị H2; chồng: Liễu Dũng C, có 02 người con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

4. Ngô Phương H1; giới tính: nam; sinh ngày 03 tháng 12 năm 1981, tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: 191/11 Tỉnh lộ 768, xã A, huyện V, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch:Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH Ngũ Kim Ngô P; con ông: Ngô Văn D và bà: Đào Thị Ánh P; vợ: Trần Thị Hoàng A, có 02 người con (lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

5. Dương Thị N1; giới tính: nữ; sinh ngày 12 tháng 9 năm 1989, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: 30F3 khu phố 1, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Cao Đài; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ Khí Dương H; con ông: Dương Văn T và bà: Phạm Thị P; chồng: Đường Văn B, có 02 người con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

6. Trần Thị Nguyệt H2; giới tính: nữ; sinh ngày 10 tháng 9 năm 1984, tại tỉnh Trà Vinh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: 170 B, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Cao Đài; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kế toán Công ty TNHH SX TM XNK và DV Thiên B; con ông: Trần Trọng V và bà: Trần Thị Kim H; chồng: Lương M có 02 người con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn V, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp – vắng mặt

2. Ông Thành Ngọc T, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An – vắng mặt

3. Ông Nguyễn Phước D, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp – vắng mặt

4. Bà Võ Thị Yến N2, sinh năm 1992; Địa chỉ: Căn hộ 0808 LD Chung cư L số 67 đường T, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt

5. Công ty I Việt Nam; Địa chỉ: 275/11 N, Phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt

6. Công ty Bình L; Địa chỉ: 27/6/11 L, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt

7. Công ty Phú B; Địa chỉ: Tổ 6 Ấp P, xã K, huyện L, tỉnh Bà Rịa V2ng Tàu – vắng mặt

8. Công ty Tuấn Thành P; Địa chỉ: 120/1C L, khu phố 7, phường T, TP. Thủ Đức – có mặt

9. Công ty I2 Vietnam; Địa chỉ: 181-183 N, Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt

10. Công ty Hải Q; Địa chỉ: 56/2 H, khu phố 1, phường T, TP. Thủ Đức – vắng mặt

11. Công ty Thiên B; Địa chỉ: 170 B, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt

12. Công ty Dương H; Địa chỉ: số T263, khu phố 3, phường L, TP. Biên Hòa – vắng mặt

13. Công ty Ngũ Kim Ngô P; Địa chỉ: Số 191/11, tỉnh lộ 768, ấp B, Xã A, huyện V, Đồng Nai – vắng mặt

14. Công ty J, Địa chỉ: Lô D1, khu công nghiệp C, ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An – vắng mặt

15. Công ty S, Địa chỉ: Lô C1, khu công nghiệp C, ấp C, xã Lo, huyện Đ, tỉnh Long An – vắng mặt

16. Công ty B; Địa chỉ: Kiosk số III 11, Khu Đô Thị, Dịch vụ, Đường số 16, Xã E, Huyện T, Tây Ninh – vắng mặt

17. Công ty Hương Dũng P; Địa chỉ: 1074/6 Tỉnh lộ 767, tổ 3, khu phố 7, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt

18. Chi nhánh Công ty Hà Tiên P; Địa chỉ: Số 198 S, Phường E, TP. Buôn Ma Thuột, Đăk Lăk – vắng mặt

19. Công ty Giấy Nam Q; Địa chỉ: Tổ 7, Ấp 4, Xã B, Huyện G, Tỉnh Tây Ninh – vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 ngày 30/12/2020, Công an quận B phát hiện Lê Hoàng N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Nouvo biển số 95D1 - 21460 tại giao lộ đường số 28 và đường số 17A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện một bộ hồ sơ hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT) Liên 2 mã số: 01GTKT3/004, ký hiệu: HN/20P, số: 0001020 của Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ Hồng N xuất cho Công ty TNHH The H Sai Gon, tên hàng

hoá là máy cắt thịt đông lạnh công nghiệp, với giá trị hàng hoá được ghi khống 256.000.000 đồng, thuế giá trị gia tăng 25.600.000 đồng; nên đưa về trụ sở để làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Lê Hoàng N khai nhận: Tháng 9/2019, N ở trọ tại phòng trọ số 4, địa chỉ 21/17G đường X, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cùng với Lê Văn Q và Võ Hồng T1 (chưa xác định được). Tại đây, Q rủ N tham gia nhóm mua bán hóa đơn GTGT cùng với Q, H (Tên thật là: Fan Shin M H, tên gọi khác là Phạm Thị Mỹ H có quốc tịch Đài Loan – Trung Quốc) và một số người khác. N được giao nhiệm vụ là giữ chìa khóa kho chứa phôi hóa đơn GTGT tại phòng trọ số 3 (cùng ở địa chỉ trên), chuyển tiền để tạo thanh toán giả, lập, giao hóa đơn theo yêu cầu của Q và các đồng phạm. Đến tháng 11/2020, N và Q chuyển sang ở tại phòng 0808 LD Chung cư L, đường M, phường A, Quận H. Vào 12 giờ 30 ngày 30/12/2020, Q yêu cầu N đem bán bộ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ Hồng N xuất cho công ty TNHH The H Sai Gon, giao cho khách hàng sử dụng số điện thoại di động 0936227121 tại giao lộ đường 17A - đường 28, phường B, quận B với giá 14.000.000 đồng thì bị Công an quận B bắt giữ như trên.

Khám xét khẩn cấp tại các địa chỉ gồm: Căn hộ 0808 LD Chung cư L, số 67 đường M, phường A, Quận H; Phòng số 3, nhà trọ 21/17G đường X, Phường H, quận Bhạnh; Căn hộ A2803 P, số 12, đường Q, phường T, Quận H. Cơ quan Công an đã thu giữ nhiều tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Hoàng N cùng đồng phạm.

Kết quả điều tra, Cơ quan điều tra xác định các hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

1. Hành vi mua bán 48 số hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá hàng hóa của Lê Hoàng N:

Trong thời gian từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2020, Lê Hoàng N cùng với các đối tượng Võ Hồng T1, Lê Văn Q (chưa xác định được) và T2, B (đều không rõ lai lịch) đã thực hiện hành vi mua bán trái phép hoá đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá, tên hàng hoá là: màn hình Led, đèn Led, thiết bị điện tử, thi công, thép, ống inox.....và số lượng hóa đơn GTGT của nhiều Công ty để thu lợi bất chính. Lê Hoàng N tham gia với vai trò đồng phạm; số tiền nhận được từ việc bán hóa đơn, N chuyển cho Q, T1 và được Q, T1 trả lương 7.000.0000 đồng/tháng. Ngoài ra, đối với mỗi số hoá đơn N tự tìm được người mua thì N nhận được 0,5%/tổng số tiền ghi trên hóa đơn.

Đối với 48 tờ hóa đơn GTGT đã ghi khống nội dung, trị giá thu giữ trong quá trình khám xét, có tổng giá trị hàng hoá trước thuế là 27.055.413.526 đồng, thuế GTGT là 2.705.541.353 đồng được B giao cho N để chuyển cho khách hàng. Trong đó N đã chuyển bán cho bà X có tên Zalo là "Cô X 2.3h" (là khách hàng của N) 6 tờ hóa đơn GTGT được xuất cho Công ty TNHH DVTM XD Hải Q (nhưng chưa giao hóa đơn cho bà X); bán trái phép 11 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá số 0000510 ngày 15/04/2020, 0000598 ngày 23/4/2020, 0000749 ngày 12/5/2020, 0000841 ngày 22/5/2020, 0000964 ngày 30/5/2020,

0001081 ngày 13/6/2020, 0001157 ngày 23/6/2020, 0001235 ngày 30/6/2020, 0001747 ngày 31/7/2020, 0002124 ngày 31/8/2020, 0002495 ngày 30/9/2020 của Công ty TNHH DVVT Phúc D, tổng trị giá hàng hoá trước thuế là 176.800.000 đồng, thuế GTGT là 17.680.000 đồng xuất cho Công ty TNHH DVTM XD Hải Q (thông qua bà X) với giá 2%/ tổng số tiền ghi trên hóa đơn trước thuế. Số tiền bà X trả cho N là 3.536.200 đồng, N giao lại cho T1, Q là 2.652.000 đồng (1,5%), còn hưởng lợi là 884.200 đồng (0,5%). Bán 02 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá (hóa đơn số 0002551 ngày 30/9/2020, số tiền 250.000.000 đồng, thuế VAT 25.000.000 đồng và hóa đơn GTGT số 0003359 ngày 27/11/2020, số tiền 110.000.000 đồng, thuế VAT 11.000.000 đồng của Công ty TNHH DVVT Phúc D xuất cho Công ty TNHH TMVT Minh A thông qua người tên T3 có tên Zalo "T3 M 2.5" với giá 2%/ tổng số tiền ghi trên hóa đơn trước thuế. T3 trả cho N là 7.200.000 đồng, N giao lại cho T1, Q là 5.400.000 đồng (1,5%), còn hưởng lợi 1.800.000 đồng (0,5%).

Đối với hình dấu tròn của Công ty TNHH TMDV Hoàng B; 09 dấu tên; 01 bao chứa tài liệu ủy nhiệm chi (Séc), giấy rút tiền mặt đã có chữ ký của giám đốc công ty và hình dấu mộc của công ty nhưng chưa ghi nội dung được Lê Văn Q để tại căn hộ 0808 LD Chung cư L, N có nhiệm vụ giao cho T2 tạo thanh toán khống đối với các hóa đơn đã bán.

Đối với 21 hình dấu tròn của Công ty Kiên A, Công ty Hồng K, Công ty Thanh B, Công ty Đan N, Công ty Đức L, Công ty Hải A, Công ty Thành N, Công ty B, Công ty Lâm Minh T, Công ty Thành C, Công ty D, Công ty Duy A, Công ty Nhất L, Công ty An Việt M, Công ty S, Công ty Khôi M, Công ty Hiệp T, Công ty Hoàng Đại H, Công ty Thanh B, Công ty Thiên T là các con dấu của các Công ty đã ngừng hoạt động, được Võ Hồng T1 để tại phòng số 3, nhà trọ 21/17G đường X, Phường H, quận T. Đồng thời, 190 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của 16 doanh nghiệp được T1 để tại phòng số 3, N lấy các phôi hóa đơn này để giao cho B.

* *Kết quả xác minh đối với các doanh nghiệp liên quan*:

Theo thông tin 48 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá đã thu giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, xác định 06 Doanh nghiệp đã sử dụng kê khai, báo cáo thuế tổng số 17/48 tờ hóa đơn GTGT đã thu giữ, cụ thể như sau:

- Công ty I Việt Nam, địa chỉ: Số 275/11 N, Phường N, Quận C, sử dụng 4 tờ hóa đơn GTGT (loại hóa đơn điện tử), tổng trị giá hàng hoá trước thuế là 155.000.000 đồng, thuế GTGT là 15.500.000 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Điện – Điện tử - Tin học Bình L, địa chỉ: 27/6/11 L, Phường M, Quận T, sử dụng 5 tờ hóa đơn GTGT (loại hóa đơn điện tử), tổng trị giá hàng hoá trước thuế là 73.200.000 đồng, thuế GTGT là 7.320.000 đồng.

- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất cơ khí Phú B, địa chỉ: Tổ 6 Ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Bà Rịa V2ng Tàu, sử dụng 3 tờ hóa đơn GTGT, tổng trị giá hàng hoá trước thuế là 46.092.040 đồng, thuế GTGT là 4.609.204 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Tuấn Thành P, địa chỉ: 120/1C L, khu phố 7, phường A, TP. Thủ Đức, sử dụng 4 tờ hóa đơn GTGT (loại hóa đơn điện tử), tổng trị giá hàng hoá trước thuế là 55.000.000 đồng, thuế GTGT là 5.500.000 đồng.

- Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại I2 Vietnam, địa chỉ: 181-183 N, Phường M, quận A, sử dụng 1 tờ hóa đơn GTGT (loại hóa đơn điện tử), tổng giá trị hàng hoá trước thuế là 17.135.000 đồng, thuế GTGT là 1.713.500 đồng.

- Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại – Xây dựng Hải Q, địa chỉ: 56/2 H, khu phố 1, phường T, TP. Thủ Đức, tài liệu thu giữ 6 tờ hóa đơn GTGT, tổng trị giá hàng hoá trước thuế là 96.900.000 đồng, thuế GTGT là 9.690.000 đồng.

Xác minh các cá nhân đứng tên giám đốc (người đại diện theo pháp luật) các Doanh nghiệp xuất hóa đơn được Lê Hoàng N cùng các đối tượng sử dụng để bán trái phép hóa đơn, xác định phần lớn các cá nhân đứng tên giám đốc không biết gì về việc thành lập công ty mà bị mất giấy chứng minh nhân dân, không biết việc điều hành hoạt động công ty như thế nào.

2. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Bùi Văn Đ và Fan Shih M H (tên gọi khác là Phạm Thị Mỹ H):

Từ tháng 4/2019 đến tháng 11/2020, Bùi Văn Đ đã thực hiện hành vi mua, bán trái phép 91 tờ hoá đơn GTGT ghi khống nội dung trị giá, tên hàng hoá, cụ thể như sau:

- Đối với hành vi mua trái phép hoá đơn GTGT: thông qua điện thoại liên lạc với các đối tượng tên T4, T5 (không rõ lai lịch), Bùi Văn Đ (sử dụng tên Phạm Văn K) đã mua trái phép 91 tờ hoá đơn GTGT từ đối tượng T4, T5 của các doanh nghiệp gồm: Công ty Việt T, Công ty Hoàng Phú H, Công ty Nguyễn H, Công ty Toàn Dương N, Công ty Hoàng Hải Đ; tên hàng hoá là thiết bị điện tử, quạt tản nhiệt, ngũ kim các loại, sắt, máy cắt, máy tiện..., tổng trị giá hàng hoá trước thuế là 11.890.544.407 đồng, thuế GTGT là 1.189.054.441 đồng. Nội dung hàng hoá ghi khống trên hoá đơn GTGT được Đ gửi cho các đối tượng trên theo nội dung của các doanh nghiệp có nhu cầu mua, sử dụng hoá đơn GTGT do Đ cung cấp. Đ mua 91 tờ hoá đơn trên với giá 214.029.799 đồng của T4, T5 bằng tiền mặt.

- Đối với hành vi bán trái phép hoá đơn GTGT: Đ đã bán trái phép lại 91 tờ hoá đơn GTGT nêu trên cho Công ty Thiên B, Công ty Dương H, Công ty Việt T, Công ty F, Công ty Ngũ Kim Ngô P thông qua các cá nhân gồm Trần Hoàng V1, Trần Thị Nguyệt H2, Dương Thị N1, Ngô Phương H1 (để sử dụng kê khai, báo cáo thuế hợp thức hóa đầu vào hàng hóa) với giá 613.179.052 đồng.

Để hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT, Đ hẹn khách thời gian để thực hiện việc thanh toán, chuyển khoản khống để hợp thức hóa đầu vào và báo lại cho T4, T5 chuẩn bị tiền, cho người đưa tiền và hóa đơn đã xuất cùng Đ và khách hàng mua hóa đơn đến Ngân hàng thực hiện giao dịch hợp thức hóa hóa đơn.

- Bùi Văn Đ khai nhận: Thông qua các mối quan hệ ngoài xã hội, Đ (sử dụng tên Phạm Văn K) để tiếp xúc và mua trái phép hoá đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá từ đối tượng T4. Sau đó, Đ được một người khác liên lạc và

giới thiệu tên là T1 (không rõ lai lịch) yêu cầu không tiếp tục liên hệ mua, bán trái phép hoá đơn GTGT với T4. Qua trao đổi, Đ được biết T4 mua hoá đơn GTGT của T1, sau đó, bán lại cho Đ để hưởng chênh lệch. Do T4 không thanh toán Đ đủ tiền mua hoá đơn GTGT với T1 nên cả hai không tiếp tục hợp tác. T1 giới thiệu đối tượng nữ tên T5 (không rõ lai lịch) để Đ làm việc và mua hoá đơn GTGT. Trong thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 11/2020, Bùi Văn Đ đã thực hiện hành vi mua trái phép tổng cộng 91 tờ hoá đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá như trên. Tổng số tiền bán hóa đơn thu được là 613.179.052 đồng, số tiền chi mua hóa đơn đơn là 214.029.799 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền là 399.149.253 đồng.

Từ tháng 7/2020 đến tháng 9/2020, **Fan Shih M H (Phạm Thị Mỹ H)** đã làm trung gian thực hiện hành vi mua bán trái phép 22 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá cho Bùi Văn Đ (tên gọi khác là Phạm Văn K) mang tên các Công ty Việt T, Hoàng Phú H bán cho Công ty Thiên B, tên hàng hoá là thiết bị điện tử, quạt tản nhiệt…., tổng giá trị hàng hoá trước thuế là 1.106.963.362 đồng, thuế GTGT là 110.696.336 đồng, thu lợi được khoảng hơn 2.000.0000 đồng tương ứng với 0,2% giá trị hàng hoá ghi khống trước thuế của 22 số hoá đơn nêu trên.

- Fan, Shih M H (Phạm Thị Mỹ H) khai nhận: Tháng 3/2020, H về Việt Nam thăm gia đình nhưng do tình hình dịch bệnh Covid 19, không thể trở về Đài Loan. Tại Việt Nam, H làm trung gian cho đối tượng nữ tên Hồng (không rõ lai lịch) thực hiện bán hóa đơn giá trị gia tăng, mỗi giao dịch Thành C H nhận được 0,2%/tổng số tiền ghi trên hóa đơn (chưa tính thuế GTGT). Khoảng tháng 7/2020, H chào bán trái phép hóa đơn GTGT trên mạng internet và được Bùi Văn Đ (sử dụng tên Phạm Văn K để liên lạc) đặt vấn đề mua hóa đơn GTGT. Sau khi thỏa thuận giá cả, H giới thiệu Đ với Hồng để mua hóa đơn. H được nhận 0,2%/tổng số tiền ghi trên hóa đơn (chưa tính thuế GTGT) từ Hồng. H đã làm môi giới để Hồng bán trái phép hóa đơn GTGT cho Đ được tổng cộng 22 số hóa đơn (theo tài liệu thu giữ trong máy tính xách tay do H sử dụng) của Công ty Việt T, Công ty Hoàng Phú H xuất hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá hàng hoá cho Công ty Thiên B, tổng giá trị hàng hoá trước thuế là 1.106.963.362đ, thuế GTGT 110.696.336,2đ. Theo đó, H thu lợi bất chính số tiền khoảng 2.000.000đ (tương ứng 0,2%). H thuê Phạm Văn V làm việc cho H với mức lương tháng 10.000.000đ, với công việc là giao, nhận tiền cho H. Đối với số tiền 6.799.657.000đ thu giữ của H trong quá trình khám xét, H khai mượn của cha, mẹ ruột để dự định dùng mua nhà.

- C*ác đương sự có liên quan khai nhận*:

+ Ông Phạm Văn B1 và bà Nguyễn Thị H2 là cha, mẹ ruột của Phạm Thị Mỹ H khai: Thấy H về quê hương phải ở nhà thuê chật hẹp và tốn kém. Tháng 12/2020, ông B1, bà H2 có cho bà H mượn số tiền 6.800.000.000đ để mua nhà nhằm thuận tiện cho chồng, con của H qua lại Việt Nam để thăm họ hàng và ông B1, bà H2. H hẹn khi nào chồng H về Việt Nam sẽ trả lại cho cha, mẹ.

+ Phạm Văn V khai: Phạm Thị Mỹ H thuê V làm việc mức lương tháng 10.000.000đ. Công việc cụ thể là giao, nhận tiền mua bán hóa đơn. Ngày

30/12/2020, H yêu cầu V đến gần Ngân hàng Vietcombank tại khu công nghiệp A để nhận số tiền trên từ người tên V2 (không rõ nhân thân, lai lịch), dùng để thanh toán hợp thức việc bán hóa đơn. Ngoài ra, còn có Thành Ngọc T và Nguyễn Phước D cũng giúp việc cho H với vai trò trên. Đối với số tiền 799.657.000đ của V đã bị thu giữ tại thời điểm khám xét tại nơi ở của H là tiền của Phạm Thị Mỹ H.

+ Thành Ngọc T khai: T là bạn của Nguyễn Phước D. Ngày 30/12/2020, T đến nhà D chơi thì lực lượng Công an đang khám xét tại nhà của D và mời T về cơ quan điều tra làm việc. T phủ nhận việc giúp Phạm Thị Mỹ H thực hiện hành vi mua bán hóa đơn. Số tiền 120.000.000đ trong balo của T tại thời điểm khám xét là tiền T tích góp dùng để đổi xe.

+ Nguyễn Phước D (là em họ của Phạm Thị Mỹ H) khai: D ở cùng với H tại căn hộ A28-03, chung cư P, số 12, đường Q, phường T, Quận H. V và T là bạn của D thường xuyên ghé chơi. D không biết việc H hoạt động mua bán hóa đơn bất hợp pháp. D làm nghề lái xe dịch vụ chở khách, chiếc xe ô tô biển số 51G-338.56 là do D thuê của ông Lê Văn H sử dụng lái xe dịch vụ.

+ Lê Văn H là chủ xe ô tô biển số 51G-338.56 khai: Ngày 20/12/2020, ông H cho Nguyễn Phước D thuê xe để chạy dịch vụ nhưng không ký hợp đồng do D chơi thân với con của của ông H.

+ Võ Thị Yến N2 là vợ của Lê Hoàng N khai: Chiếc xe máy biển số 95D1-214.60 do N2 là chủ sở hữu, mua vào 03/2015 trước khi lấy Lê Hoàng N, N2 có cho N mượn chiếc xe trên để đi lại, N2 không biết N mua bán trái phép hóa đơn.

3. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Trần Thị Nguyệt H2, Dương Thị N1, Ngô Phương H1:

- **Trần Hoàng V1 (**Giám đốc Công ty Thiên B) và **Trần Thị Nguyệt H2**, nhân viên Kế toán khai nhận: Do Công ty Thiên B thiếu doanh số đầu vào để kê khai thuế xuất hoá đơn GTGT đã bán hàng cho đối tác, Trần Thị Nguyệt H2 đã bàn bạc với Trần Hoàng V1 về việc mua hoá đơn GTGT từ Bùi Văn Đ (tên sử dụng là Phạm Văn K) để sử dụng kê khai thuế. Được sự đồng ý của Vi, H2 đã trực tiếp liên hệ, thoả thuận giá mua trái phép hoá đơn GTGT với giá 7% tổng giá trị hàng hoá ghi khống trước thuế.

Từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2019, V1 và H2 đã thực hiện hành vi mua trái phép 22 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá từ Bùi Văn Đ, cụ thể: 04 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá của Công ty Việt T, trị giá hàng hoá trước thuế là 167.269.600 đồng, thuế GTGT là 16.726.960 đồng và 18 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá của Công ty Hoàng Phú H, trị giá hàng hoá trước thuế là 939.693.762 đồng, thuế GTGT là 93.969.376,2 đồng.

Tổng số tiền V1 và H2 sử dụng để mua hoá đơn GTGT là 74.000.000 đồng, do H2 sử dụng tài khoản cá nhân mở tại Ngân hàng Vietcombank gồm: số tài khoản 0071005398331 và số tài khoản 0511000464345 để thanh toán vào tài khoản số 060160245878 của Bùi Văn Đ mở tại Ngân hàng Sacombank.

Nhằm che giấu giao dịch không có thật, sau khi xuất bán hoá đơn GTGT ghi khống nội dung trị giá, Đ sẽ giao tiền cho H2 để nộp vào tài khoản số

0371000413322, mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam của Công ty Thiên B. Từ đó, H2 tiếp tục chuyển tiếp vào tài khoản của các doanh nghiệp xuất hoá đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá, sau đó Đ sẽ rút về.

Toàn bộ 22 số hoá đơn mua trái phép đã được Công ty Thiên B sử dụng kê khai, báo cáo thuế vào Quý 3/2020.

- **Dương Thị N1**, Giám đốc các Công ty gồm: Dương H, Việt T, F khai nhận: Do Công ty Dương H, Công ty Việt T, Công ty F thiếu doanh số đầu vào để kê khai thuế xuất hoá đơn GTGT đã bán hàng cho đối tác. N1 đã mua hoá đơn GTGT từ Bùi Văn Đ, để sử dụng kê khai thuế với giá 5% tổng giá trị hàng hoá trước thuế. Nhằm che giấu giao dịch không có thật, mỗi khi xuất bán hoá đơn GTGT ghi khống nội dung trị giá, Đ sẽ giao tiền cho N1 để nộp vào tài khoản các Công ty do N1 đứng tên làm Giám đốc. Từ đó, N1 tiếp tục chuyển tiếp vào tài khoản của Công ty TNHH Sắt Thép và Cơ khí Nguyễn H xuất hoá đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá, sau đó Đ sẽ rút về.

Từ ngày 03/4/2020 đến ngày 06/11/2020, N1 đã mua trái phép từ Đ tổng cộng 24 tờ hoá đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá của Công ty Nguyễn H, cụ thể: Công ty Dương H mua 12 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá, tổng trị giá hàng hoá trước thuế là 1.601.178.000 đồng, thuế GTGT là 160.117.800 đồng; Công ty Việt T mua 5 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá, tổng trị giá hàng hoá trước thuế là 308.880.000 đồng, thuế GTGT là 30.888.000 đồng và Công ty F mua 7 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá, tổng trị giá hàng hoá trước thuế là 1.370.442.000 đồng, thuế GTGT là 137.044.200 đồng. Tổng số tiền N1 sử dụng để mua hoá đơn GTGT là 164.025.000 đồng bằng tiền mặt. Toàn bộ 24 tờ hoá đơn mua trái phép đã được Công ty Dương H, Công ty Việt T, Công ty F sử dụng kê khai, báo cáo thuế.

- **Ngô Phương H1**, Giám đốc Công ty Ngũ Kim Ngô P khai nhận: Do doanh nghiệp thiếu doanh số đầu vào để kê khai thuế xuất hoá đơn GTGT đã bán hàng cho đối tác, H1 đã mua hoá đơn GTGT từ Bùi Văn Đ để sử dụng kê khai thuế với giá 5%/tổng giá trị hàng hoá trước thuế. Nhằm che giấu giao dịch không có thật, mỗi khi xuất bán hoá đơn GTGT ghi khống nội dung trị giá, Đ sẽ giao tiền cho H1 để nộp vào tài khoản số 180114851022437 mở tại Ngân hàng Exmimbank của Công ty Ngũ Kim Ngô P. Từ đó, H1 tiếp tục chuyển tiếp vào tài khoản của Công ty Việt T.

Từ ngày 01/4/2019 đến ngày 14/9/2020, H1 đã mua trái phép tổng cộng 45 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá với tổng trị giá hàng hoá trước thuế là 7.503.081.045 đồng, thuế GTGT là 750.308.105 đồng từ Bùi Văn Đ, cụ thể: 10 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá của Công ty Việt T, trị giá hàng hoá trước thuế là 1.064.955.976 đồng, thuế GTGT là 106.495.598 đồng; 24 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá của Công ty Toàn Dương N, trị giá hàng hoá trước thuế là 4.193.273.539 đồng, thuế GTGT là 419.327.354 đồng; 09 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá của Công ty Nguyễn H, trị giá hàng hoá trước thuế là 2.189.381.530 đồng, thuế GTGT là 218.938.153 đồng; 02 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá của Công ty Hoàng Hải Đ, trị giá hàng hoá trước thuế là 55.470.000 đồng, thuế GTGT là 5.547.000 đồng.

Tổng số tiền H1 sử dụng để mua hoá đơn GTGT là 375.154.052 đồng, H1 đã đưa tiền mặt cho Bùi Văn Đ. Toàn bộ 45 số hoá đơn mua trái phép đã được Công ty Ngũ Kim Ngô P sử dụng kê khai, báo cáo thuế.

Ngoài ra, Bùi Văn Đ **còn bán hóa đơn cho các Công ty khác, gồm:** Công ty J (địa chỉ: Lô D1, khu công nghiệp Cầu Tràm, ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An) mua 3 hóa đơn GTGT; Công ty B (địa chỉ: Kiosk số III 11, Khu Đô Thị, Dịch Vụ, Đường số 16, Xã Đ, Huyện T, Tây Ninh) mua 01 tờ hóa đơn điện tử GTGT số 0002448 ngày 15/12/2020 của Công ty Tuấn Lộc; Công ty Hương Dũng P (địa chỉ: 1074/6 Tỉnh Lộ 767, tổ 3, khu phố 7, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai) mua 05 tờ hóa đơn GTGT; Chi nhánh Công ty Hà Tiên P (địa chỉ: Số 198 S, Phường E, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk) mua 2 tờ hóa đơn GTGT; Công ty Giấy Nam Q (địa chỉ: Tổ 7, Ấp 4, Xã B, Huyện G, Tỉnh Tây Ninh) mua 02 tờ hóa đơn GTGT. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Hồ Chí Minh đã tách ra và chuyển hồ sơ đến Công an các tỉnh, thành tiếp tục điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ trong vụ án theo Lệnh nhập kho vật chứng số 310-36/LNK-CSKT-Đ9 ngày 18/01/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản cáo trạng số 191/CT-VKS-P3 ngày 14 tháng 4 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Bùi Văn Đ về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Các bị cáo Lê Hoàng N, Ngô Phương H1 về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Các bị cáo Fan Shih M H (Phạm Thị Mỹ H), Dương Thị N1, Trần Thị Nguyệt H2 về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngoài ra cáo trạng còn xác định đối với:

- Trần Hoàng V1, Giám đốc Công ty Thiên B đã chỉ đạo Trần Thị Nguyệt H2 kế toán Công ty thực hiện hành vi mua trái phép 22 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá từ bị can Bùi Văn Đ. Tuy nhiên, ngày 06/9/2021 Trần Hoàng V1 đã chết vì nhiễm Covid 19 nên không xem xét.

- Các đối tượng Võ Hồng T1, Lê Văn Q, T2, B: Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

- Phạm Văn V, Thành N1 T, Nguyễn Phước D: Quá trình điều tra, ngoài lời khai, không thu được tài liệu chứng cứ khác làm rõ hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh thu thập tài liệu, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

- Các đối tượng có tên N3, T5, X, T3 cùng các đối tượng khác có liên quan đến việc mua bán hóa đơn GTGT theo khai báo của Bùi Văn Đ, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, truy xét đối tượng, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

- Đinh Thị Ngân G (Giám đốc Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp W Design Việt Nam có địa chỉ tại huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội) có hành vi mua 19 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá của Công ty TNHH TMDV May Mặc Thu V từ đối tượng tên T6 (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Tuy nhiên, do chưa xác định được người bán hóa đơn cho G. Do đó, Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

- T3 G (Giám đốc Công ty TNHH MTV Gia Long Hưng) có hành vi mua 5 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá. Công ty TNHH MTV Gia Long Hưng kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế huyện C, tỉnh Tây Ninh nên Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ, tài liệu cho Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện C, tỉnh Tây Ninh xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

- Đối với các đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đã sử dụng hóa đơn khấu trừ thuế GTGT nhưng số tiền không lớn, hoặc không đủ số lượng hóa đơn xử lý trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra có văn bản đề nghị Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh xử lý theo thẩm quyền (có bảng kê kèm theo).

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Bùi Văn Đ, Lê Hoàng N, Ngô Phương H1, Fan Shih M H (Phạm Thị Mỹ H), Dương Thị N1, Trần Thị Nguyệt H2 khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo không tranh luận. Nói lời sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận, đã phân tích tính chất, mức độ, vai trò, động cơ phạm tội của từng bị cáo và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Bùi Văn Đ, Lê Hoàng N, Ngô Phương H1, Fan Shih Mei H (Phạm Thị Mỹ H), Dương Thị N1, Trần Thị Nguyệt H2 về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước"; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt các bị cáo Lê Hoàng N, Ngô Phương H1 mỗi bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Fan Shih M H (Phạm Thị Mỹ H) từ 02 năm đến 03 năm tù, Dương Thị N1, Trần Thị Nguyệt H2 mỗi bị cáo từ 01 năm đến 02 năm tù.

Phạt bổ sung bị cáo Bùi Văn Đ, bị cáo Lê Hoàng N, bị cáo Fan Shih M H (Phạm Thị Mỹ H) mỗi bị cáo 50.000.000 đồng; các bị cáo Dương Thị N1, bị cáo Trần Thị Nguyệt H2, bị cáo Ngô Phương H1 mỗi bị cáo 30.000.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự buộc Bùi Văn Đ nộp 399.149.253 đ, Lê Hoàng N nộp 2.684.20 đồng, Fan Shih M H (Phạm Thị Mỹ H) nộp 2.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước. Về xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có bị cáo nào có khiếu nại về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Văn Đ, Lê Hoàng N, Ngô Phương H1, Fan Shih M H (Phạm Thị Mỹ H), Dương Thị N1, Trần Thị Nguyệt H2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa được xác định phù hợp với lời khai nhận tội tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng, biên bản vi phạm, vật chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Trong thời gian từ tháng 7/2019 đến ngày 30 tháng 12/2020, các bị cáo Bùi Văn Đ, Lê Hoàng N, Fan Shih M H (Phạm Thị Mỹ H), đã có hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng ghi khống nội dung, trị giá, tên hàng hóa, thu lợi bất chính; các bị cáo Ngô Phương H1, Dương Thị N1, Trần Thị Nguyệt H2 đã có hành vi mua trái phép hóa đơn giá trị gia tăng ghi khống nội dung, trị giá, tên hàng hóa để sử dụng làm chứng từ kê khai hàng hóa đầu vào, báo cáo thuế cho các doanh nghiệp. Hành vi vi phạm cụ thể của từng bị cáo như sau:

Bùi Văn Đ: Từ tháng 4/2019 đến tháng 11/2020, Đ đã có hành vi sử dụng tên Phạm Văn K liên hệ mua 91 số hóa đơn GTGT đã ghi khống nội dung của các đối tượng tên T4, T5 (không rõ lai lịch), sau đó bán lại Trần Hoàng V1, Ngô Phương H1, Trần Thị Nguyệt H2 và Dương Thị N1 với giá từ 5% đến 7% trên tổng giá trị hàng hóa (ghi khống trước thuế) để hưởng lợi (trong đó có Fan Shih M H (Phạm Thị Mỹ H) làm trung gian cho Đ). Tổng giá trị hàng hoá trước thuế ghi nhận trên 91 hóa đơn là 11.890.544.407 đồng, thuế GTGT là 1.189.054.441 đồng, Đ đã thu lợi bất chính số tiền là 399.149.253 đồng (tiền chênh lệch giữa mua và bán).

Lê Hoàng N: trong thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 11/2020, N với vai trò đồng phạm giúp sức cho các đối tượng Võ Hồng T1, Lê Văn Q (chưa xác định được lai lịch), T2, B (không rõ lai lịch) được giao quản lý phôi, sử dụng 02 tài khoản Ngân hàng (do N đứng tên) để nhận tiền mua hóa đơn, trực tiếp thỏa thuận liên hệ với người mua, giao hóa đơn...thực hiện hành vi mua bán trái phép 48 số hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá hàng hóa với tổng trị giá hàng hoá trước thuế là 536.800.000 đồng, thuế GTGT là 53.680.000 đồng. Qua đó N thu lợi bất chính số tiền là 2.684.200 đồng.

Fan Shih M H (tên gọi khác Phạm Thị Mỹ H): từ tháng 7/2020 đến tháng 9/2020 có hành vi môi giới để Bùi Văn Đ liên hệ với đối tượng tên Hồng (không rõ lai lích) thực hiện hành vi mua bán trái phép 22 số hóa đơn GTGT, ghi khống nội dung, trị giá với tổng trị giá hàng hoá trước thuế là 1.106.963.362 đồng, thuế GTGT là 110.696.336 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 2.000.0000 đồng.

Ngô Phương H1: trong thời gian từ ngày 01/4/2019 đến ngày 14/9/2020, H1 với vai trò Giám đốc Công ty Ngũ Kim Ngô P đã dùng số tiền 375.154.052 đồng mua trái phép từ Bùi Văn Đ tổng cộng 45 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá với tổng giá trị hàng hóa ghi khống trước thuế là 7.503.081.045 đồng, thuế giá trị gia tăng 750.308.105 đồng để sử dụng kê khai hàng hóa đầu vào, báo cáo thuế cho công ty nhằm che dấu giao dịch không có thật.

Dương Thị N1: Trong thời gian từ 03/4/2020 đến ngày 06/11/2020, với vai trò Giám đốc của Công ty Dương H, Công ty Việt T, Công ty F N1 đã dùng số tiền 164.025.000 đồng mua trái phép từ Bùi Văn Đ tổng cộng 24 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá với tổng giá trị hàng hóa ghi khống trước thuế là 1.370.442.000 đồng, thuế giá trị gia tăng 137.044.200 đồng để sử dụng kê khai hàng hóa đầu vào, báo cáo thuế cho công ty nhằm che dấu giao dịch không có thật.

Trần Thị Nguyệt H2: trong thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2019, Trần Thị Nguyệt H2 với vai trò kế toán Công ty Thiên B đã dùng số tiền 74.000.000 đồng mua trái phép từ Bùi Văn Đ tổng cộng 22 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung, trị giá với tổng giá trị hàng hóa ghi khống trước thuế là 1.106.962.762 đồng, thuế giá trị gia tăng 110.696.336 đồng để sử dụng kê khai hàng hóa đầu vào, báo cáo thuế cho công ty nhằm che dấu giao dịch không có thật.

Như vậy, có căn cứ kết luận các bị cáo Bùi Văn Đ, Lê Hoàng N, Ngô Phương H1, Fan Shih M H (Phạm Thị Mỹ H), Dương Thị N1, Trần Thị Nguyệt H2 đã phạm vào tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" theo Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo với tội danh và khung hình phạt trên là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quy định quản lý Nhà nước đối với hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước, gây tác hại xấu đến trật tự quản lý kinh tế và trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì vụ lợi cho cá nhân, thu lợi bất chính cao, các bị cáo đã cố ý thực hiện, thể hiện việc xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Đây là vụ án có đồng phạm tham gia, các bị cáo có vai trò là người thực hành và giúp sức tích cực cho các đối tượng không rõ lai lịch. Bị cáo Bùi Văn Đ đã phạm tội trong T3 hợp *hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên và thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên.* Các bị cáo Lê Hoàng N và Ngô Phương H1 đã phạm tội trong T3 hợp *hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên*; đây là các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 của Điều luật đã viện dẫn. Các bị cáo Fan Shin M H (tên gọi khác Phạm Thị Mỹ H), Dương Thị

N1 và Trần Thị Nguyệt H2 đã phạm tội trong T3 hợp *hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số,* đây là tình tiết định tội theo quy định tại khoản 1 của Điều luật đã viện dẫn.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: có nhân thân tốt phạm tội lần đầu; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Fan Shih M H (tên gọi khác Phạm Thị Mỹ H), Dương Thị N1 và Trần Thị Nguyệt H2 phạm tội lần đầu và thuộc T3 hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo Lê Hoàng N, Fan Shih Mei H đã nộp lại tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng qui định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự tương ứng với từng bị cáo để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Từ những phân tích trên, cần có hình phạt nghiêm tương xứng với vai trò, mức độ, động cơ phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội xâm phạm lĩnh vực trật tự quản lý kinh tế về thuế và tham gia với vai trò đồng phạm, có nhân thân tốt, hiện các bị cáo đều đang được tại ngoại nên không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Phân tích trên cũng là lập luận của Hội đồng xét xử đối với phần luận tội, đề nghị xử phạt các bị cáo của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với các đối tượng Võ Hồng T1, Lê Văn Q, T2, B, N3, T5, X, T3 (chưa xác định được lai lịch) và những người có liên quan Phạm Văn V, Thành N1 T, Nguyễn Phước D (chưa đủ căn cứ xử lý hình sự): Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra, tiếp tục xác minh thu thập tài liệu làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau; đối với các cá nhân, doanh nhiệp ở các địa phương khác, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ tài liệu đề nghị giải quyết theo thẩm quyền và đối với các đơn vị doanh nghiệp đã sử dụng hóa đơn ghi khống khấu trừ thuế GTGT nhưng số tiền không lớn, hoặc không đủ số lượng hóa đơn bị xử lý trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra có văn bản đề nghị Cục thuế xử lý theo thẩm quyền là có cơ sở nên không xem xét trong vụ án này.

[4] *Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng*:

- Xét số tiền bị cáo Bùi Văn Đ thu lợi bất chính 399.149.253 đồng là tiền do phạm tội mà có nên buộc giao nộp để sung ngân sách nhà nước

- Xét số tài sản gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 5310 thu giữ của Lê Hoàng N; 01 (một) máy tính xách tay hiệu Asus, 01(một) điện thoại di động iphone màu xanh thu giữ của Phạm Thị Mỹ H; 01(một) điện thoại di động hiệu samsung J7 thu giữ của Phạm Văn V, 01 (Một) điện thoại di động Iphone thu giữ của Bùi Văn Đ; số tiền Lê Hoàng N nộp 2.684.200 đồng, Fan Shih Mei H (tên gọi khác Phạm Thị Mỹ H) nộp 2.500.000 đồng tiền thu lợi bất chính được xác định có liên quan đến tội phạm nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Trả lại các tài sản không liên quan đến tội phạm cho chủ sở hữu, cụ thể:

+ Trả cho Lê Hoàng N: 01 (một) máy tính xách tay GD8200,

+ Trả lại cho bà Võ Thị Yến N2 01 (một) xe máy biển số 95D1-214.60;

+ Trả cho: Fan Shih M H (tên gọi khác Phạm Thị Mỹ H): 02(hai) điện thoại di động, số tiền 6.899.657.000 đồng (trong đó 6.100.000 đồng thu giữ khi khám xét nơi ở của Phạm Thị Mỹ H và 799.657.000 đồng thu giữ của Phạm Văn V. Kết quả điều tra xác định là của Phạm Thị Mỹ H mượn của cha mẹ để mua nhà) không liên quan đến tội phạm;

+ Trả lại cho Phạm Văn V: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia;

+ Trả lại cho Thành N1 T: 02 (hai) điện thoại di động, số tiền 120.000.000 đồng;

+ Trả lại cho Nguyễn Phước D: 01 (một) máy tính xách tay hiệu HP, 03 (ba) điện thoại di động;

- Đối với số tang tài vật hiện đang tạm giữ còn lại tịch thu tiêu hủy.

[5] Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Bùi Văn Đ 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước", sung vào ngân sách Nhà nước. Thi hành sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Lê Hoàng N và Ngô Phương H1.

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Lê Hoàng N 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và phạt tiền bị cáo Ngô Phương H1 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước", sung vào ngân sách Nhà nước. Thi hành sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Fan Shih Mei H (tên gọi khác Phạm Thị Mỹ H), Dương Thị N1 và Trần Thị Nguyệt H2.

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Fan Shih M H (tên gọi khác Phạm Thị Mỹ H) 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; Phạt tiền bị cáo Dương Thị N1 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và Phạt tiền bị cáo Trần Thị Nguyệt H2 100.000.000 (một trăm triệu) đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" sung vào ngân sách Nhà nước. Thi hành sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Buộc: bị cáo Bùi Văn Đ phải giao nộp số tiền 399.149.253 (ba trăm chín mươi chín triệu một trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm năm mươi ba) đồng; là tiền do phạm tội mà có để sung ngân sách nhà nước;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tài sản liên quan đến tội phạm gồm: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Huawei màu xanh đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của bị can Lê Hoàng N, 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 5310 số seri 1: 357740108359951 đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của bị can Lê Hoàng N; 01 (Một) máy tính hiệu Asus có số SN L4NOCX03D177153 đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của bị can Phạm Thị Mỹ H; 01 (Một) điện thoại di động màu xanh không kiểm tra được số Imei và nội dung bên trong do đã bị khóa mật mã đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của bị can Phạm Thị Mỹ H; 01 (Một): điện thoại di động Samsung J7 số Imel 356446084951727/01 đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của anh Phạm Văn V; 01 (Một) điện thoại di động Iphone đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của bị can Bùi Văn Đ; Số tiền 5.184.200 (năm triệu một trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm) đồng (theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 13/12/2021 và ngày 16/3/2022 của phòng cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng kinh tế buôn lậu công an thành phố Hồ Chí Minh tại Kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh)

- Trả lại các tài sản không liên quan đến tội phạm cho chủ sở hữu, cụ thể:

+ Trả cho Lê Hoàng N: 01 (Một) máy tính xách tay hiệu GD8200 đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của bị can Lê Hoàng N;

+ Trả cho bà Võ Thị Yến N2 01 (Một) xe mô tô biển số 95D1 – 21460, SK: RLCN1DB10EY222042, SM: 1DB1222060.

+ Trả cho: Fan Shih M H (tên gọi khác Phạm Thị Mỹ H): 01 (Một) điện thoại di động số Imei: 355314081878650 đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của bị can Phạm Thị Mỹ H và 01 (Một) điện thoại di động số Imei: 356775084740999 đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của bị can Phạm Thị Mỹ H, số tiền 6.899.657.000 (sáu tỷ tám trăm chín mươi chín triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn) đồng (theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 06/01/2021 của phòng cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng kinh tế buôn lậu công an thành phố Hồ Chí Minh tại Kho bạc nhà nước quận B);

+ Trả lại cho Phạm Văn V: 01 (Một): điện thoại di động Nokia số Imel 357759102489317 đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của anh Phạm Văn V.

+ Trả lại cho Thành N1 T: 01 (Một): điện thoại di động Nokia TA 1272 số Imel 353159111098205 đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của anh Thành N1 T và 01 (Một): điện thoại di động Oppo A53 số Imel 860951050373391 đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của anh Thành N1 T, số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng (theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày

06/01/2021 của phòng cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng kinh tế buôn lậu công an thành phố Hồ Chí Minh tại Kho bạc nhà nước quận B);

+ Trả lại cho Nguyễn Phước D: 01 (Một) máy tính xách tay hiệu HP số FCCID VQFRT3090 đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của anh Nguyễn Phước D; 01 (Một) điện thoại di động số Imei: 3511088461730750 đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của anh Nguyễn Phước D; 01 (Một) điện thoại di động số Imei: 353821082382161 đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của anh Nguyễn Phước D; 01 (Một) điện thoại di động Nokia 110 số Imei: 357741103812861 đã được niêm phong có chữ ký, chữ viết của anh Nguyễn Phước D.

Đối với số tang tài vật hiện đang tam giữ còn lại tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) bao tải xanh dương đã được niêm phong hình dấu có chữ ký, chữ viết của bị can Lê Hoàng N chứa tài liệu ủy nhiệm chi (Sec), giấy rút tiền mặt đã có chữ ký của giám đốc công ty và dấu mộc của công ty nhưng chưa ghi nội dung.

- 10 (mười) dấu tên ghi tên Nguyễn Thị Mỹ T7; GĐ Nguyễn Văn M; Huỳnh Thị Bích L; Nguyễn Nhật N4; Huỳnh Thị V3; Trần Ngọc M1; Nguyễn Thị Thùy L1; GĐ Lê Thị Bé T8; GĐ Phan Duy T9, GĐ Lưu Nguyên K1.

- 01 (một) dấu chữ ký.

- 02 (hai) Hình dấu tròn của Công ty TNHH xây dựng Kiên A, MSDN: 0313515896;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hồng K, MSDN: 0314425282;

- 02 (hai) Hình dấu tròn của Công ty TNHH thương mại dịch vụ giao nhận vận tải Thanh B, MSDN: 0314425211;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ vận tải Đan N, MSDN: 0314266931;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH đầu tư xây dựng sắt thép vật liệu Đức L, MSDN: 0313405685;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH thương mại dịch vụ may mặc Hải A, MSDN: 0314440918;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH thương mại dịch vụ may mặc Thành N, MSDN: 0315151764;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH thương mại dịch vụ B, MSDN: 0312653519;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Lâm Minh T, MSDN: 0314530008;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH chìa khóa Thành C, MSDN: 0312021397;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH Heartshare D, MSDN: 0310941705;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH xây dựng khoáng sản thương mại Duy A, MSDN: 0311080978;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH thương mại khoáng sản Nhất L, MSDN: 0314227724;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH xây dựng dịch vụ vận tải An Việt M, MSDN: 0312533331;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ S, MSDN: 0314281337;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng Khôi M, MSDN: 0314230420;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH đầu tư sản xuất thương mại dịch vụ Hiệp T, MSDN: 0313017435;

- 01 (Một) Hình dấu tròn của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Hoàng Đại H, MSDN: 0313446184;

- 01 (Một) hình dấu tròn của Công ty TNHH TMDV Hoàng B, MSDN: 0305049313;

- 01 (Một) hình dấu tròn của Công ty TNHH SXTM gỗ A.

- 01 (Một) Mặt dấu tròn của Công ty TNHH thể thao Thiên T, MSDN: 0312863178.

- 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH Tiến Thịnh L có mã số: 01GTKT3/003, kí hiệu: TL/20P số thứ tự từ 0001501 đến 0002000; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH TM DV Phát Thành P có mã số: 01GTKT3/005, kí hiệu: TP/20P số thứ tự từ 0000501 đến 0001000; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH đầu tư phát triển Thiên Minh Q có mã số: 01GTKT3/002, kí hiệu: MQ/20P số thứ tự từ 0000501 đến 0001000; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH TM DV Triệu Thành P có mã số: 01GTKT3/002, kí hiệu: TP/19P số thứ tự từ 0000001 đến 0000500; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH TM vật liệu sắt thép Hùng D có mã số: 01GTKT3/003, kí hiệu: HD/20P số thứ tự từ 0000501 đến 0001000; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ Bình A có mã số: 01GTKT3/002, kí hiệu: BA/20P số thứ tự từ 0002501 đến 0003000; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH xây dựng Đặng Thảo A có mã số: 01GTKT3/004, kí hiệu: TA/20P số thứ tự từ 0000501 đến 0001000; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH TM DV Phát Thuận T có mã số: 01GTKT3/002, kí hiệu: TT/20P số thứ tự từ 0001501 đến 0002000; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH TM Hoàng Phú H có mã số: 01GTKT3/004, kí hiệu: PH/20P số thứ tự từ 0003501 đến 0004000; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH TM DV Ngọc K có mã số: 01GTKT3/002, kí hiệu: NH/20P số thứ tự từ 0000001 đến 0000500; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty cổ phần thương mại xây dựng Tân K có mã số: 01GTKT3/001, kí hiệu: TK/20P số thứ tự từ 0000501 đến 0000100; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH vật liệu sắt thép Khải M có mã số: 01GTKT3/001, kí hiệu: KM/19P số thứ tự từ 0000501 đến 0000100; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH TM DV Triệu Thành P có mã số: 01GTKT3/002, kí hiệu: TP/19P số thứ tự từ 0000501 đến 0001000; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty

TNHH sản xuất nhựa Hoàng P có mã số: 01GTKT3/003, kí hiệu: HP/20P số thứ tự từ 0000501 đến 0001000; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH SX TM DV Danh Thành Đ có mã số: 01GTKT3/002, kí hiệu: TD/19P số thứ tự từ 0000501 đến 0001000; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH Ẩm thực Cánh Đồng H có mã số: 01GTKT3/003, kí hiệu: CD/20P số thứ tự từ 0002501 đến 0003000; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH TM DV Ngọc K có mã số: 01GTKT3/002, kí hiệu: NH/20P số thứ tự từ 0000501 đến 0001000; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH TM DV May mặc Thu V có mã số: 01GTKT3/004, kí hiệu: TL/20P số thứ tự từ 0001501 đến 0002000; 10 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH đầu tư phát triển Thiên Minh Q có mã số: 01GTKT3/002, kí hiệu: MQ/20P số thứ tự từ 0000001 đến 0000500.

(Theo biên bản giao nhận tang vật số NK2022/395 ngày 17/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh).

- Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo xin xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Bị cáo; (6)
- THA HS; (6)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (6)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (32) (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Trực